TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1145/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 8 - 2018
V/v Ly hôn giữa chị T1 và anh D

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Chính

Các Hội thẩm:

1. Ông Thái Văn Sơn
2. Bà Phạm Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Anh Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2018, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 371/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 220/2018/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 207/2018/QĐST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị T1, sinh năm: 1983

Địa chỉ: Tổ X, ấp Y, xã C, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Anh D, sinh năm: 1982

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 3 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị T1 trình bày: Chị T1 và anh D tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 299/2005, Quyển số: II ngày 06 tháng 12 năm 2005 do Ủy ban nhân dân xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sinh sống ở bên nhà vợ tại địa chỉ: Tổ X, ấp Y, xã C, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh, ở được 01 năm vợ chồng chuyển về sinh sống bên nhà chồng tại địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh cho đến nay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng hạnh phúc kéo dài được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D ham chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần, không lo tu trí làm ăn, bỏ bê không chăm

lo gia đình, nhiều lần chị T1 khuyên nhủ, động viên nhưng anh D vẫn chứng nào tật đấy không thay đổi dẫn đến vợ chồng nhiều lần xảy ra xích mích, gây gổ, mâu thuẫn đỉnh điểm xảy ra vào tháng 09/2015 dẫn đến vợ chồng chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị T1 xác định thời gian vợ chồng sống ly thân đã lâu, đến nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, khả năng hàn gắn không còn nên chị T1 kiện yêu cầu được ly hôn với anh D.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị T1 và anh D có với nhau 01 người con chung V, sinh ngày: 01/7/2006. Chị T1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, với lý do hiện nay chị T1 có công việc ổn định với mức thu nhập hơn 5,000,000 đồng/tháng, đảm bảo cuộc sống của chị và nuôi con nên chị T1 chưa yêu cầu anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T1 xác định không có.

Bị đơn anh D đã được Tòa án tống đạt triệu tập hợp lệ hai lần tự khai và hai lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh D vắng mặt nên không có lời khai, đồng thời Tòa án cũng không thể tiến hành hòa giải giữa các bên đương sự được với nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi Tòa án nhân dân huyện Củ Chi thụ lý vụ án đến nay, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy cuộc sống hôn nhân của vợ chồng chị T1 và anh D không còn hạnh phúc, không còn khả năng hàn gắn do mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mà nguyên nhân chính là do anh D không có trách nhiệm trong việc quan tâm, chăm sóc vợ con, không lo tu trí làm ăn, vun đắp hạnh phúc gia đình. Anh D thường xuyên cờ bạc dẫn đến nợ nần, vợ chồng thường xuyên lời qua tiếng lại, vợ chồng đã ly thân từ tháng 9/2015 đến nay, không còn sự quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau nên việc giải thoát chị T1 khỏi cuộc sống hôn nhân với anh D là điều cần thiết, phù hợp với quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Theo kết quả xác minh của Công an xã Tân Thạnh Đông, xác định anh D vẫn đang sinh sống tại địa chỉ Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh D không đến Tòa án để giải quyết vụ việc, điều đó chứng tỏ anh D hoàn toàn không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, cha con với mẹ con chị T1.

Con chung V đã có bản tự khai trình bày nguyện vọng được ở với mẹ nếu cha mẹ ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về tài sản chung và nợ chung: Do nguyên đơn trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn chị T1 là được ly hôn với anh D. Chị T1 được quyền trực tiếp nuôi con chung V, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Đây là tranh chấp về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", bị đơn có nơi cư trú tại huyện Củ Chi. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về tố tụng:* Anh D (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh D.

Xét thấy vụ án này Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, căn cứ khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 01/8/2012 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao, trường hợp này Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi phải tham gia phiên tòa theo quy định.

Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3] Chị T1 và anh D tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 299/2005, Quyển số: II do Ủy ban nhân dân xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06 tháng 12 năm 2005. Căn cứ Điều 9; Điều 11 và Điều 12 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị T1 và anh D là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

[4] Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng, theo nguyên đơn xuất phát từ việc anh D chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần, không lo tu trí làm ăn, bỏ bê không chăm lo gia đình, nhiều lần chị T1 đã khuyên nhủ, động viên nhưng anh D vẫn chứng nào tật đấy không thay đổi làm cho vợ chồng nhiều lần xảy ra xích mích, gây gổ, lời qua tiếng lại với nhau, mâu thuẫn đỉnh điểm xảy ra vào tháng 09/2015 dẫn đến vợ chồng chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Xét lời khai của nguyên đơn đưa ra phù hợp với chứng cứ do Tòa án thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án, thể hiện tại Phiếu yêu cầu xác minh số 297/TAHCC ngày 26 tháng 4 năm 2018, Công an xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh trả lời *"Đương sự D đang sinh sống tại tổ 5, ấp 11A, xã Tân Thạnh Đông. Đương sự D và T1 không còn chung sống với nhau"*, như vậy cho thấy

quá trình chung sống, giữa vợ chồng chị T1 và anh D đã xảy ra mâu thuẫn từ lâu và trầm trọng dẫn đến vợ chồng ly thân từ tháng 09/2015 cho đến nay như chị T1 đã trình bày, xét thấy thời gian vợ chồng chị T1 và anh D ly thân đến nay đã lâu và đây cũng là khoảng thời gian để anh D nhìn nhận lại bản thân, để khắc phục, sửa chữa những khuyết điểm nhưng cho đến nay anh D vẫn không thay đổi. Theo kết quả xác minh thì anh D hiện đang cư trú tại địa phương, trong quá trình giải quyết vụ án, anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên hòa giải nhưng anh D vẫn vắng mặt, cho thấy anh D không có thiện chí hòa giải để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng.

Từ những căn cứ, phân tích nêu trên, có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T1 và anh D đã trầm trọng, tình cảm yêu thương vợ chồng đã hết, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên với yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu được ly hôn với anh D là có cơ sở, thỏa mãn căn cứ cho ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và hướng dẫn tại điểm a Mục 8 Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về nuôi con chung: Chị T1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, sinh ngày: 01/7/2006. Hội đồng xét xử xét thấy, trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, phía bị đơn vắng mặt nên không có lời khai tại Tòa án nên không rõ yêu cầu, tại Bản tự khai ngày 29/6/2018, cháu V trình bày nguyện vọng muốn được ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn, xét nguyện vọng trên của cháu là tự nguyện nên ghi nhận. Cháu V mới 12 tuổi, cần phải có sự trông nom, chăm sóc trực tiếp thường xuyên của cha hoặc mẹ. Hiện tại, chị T1 là công nhân đang làm việc tại Công ty TNHH một thành viên Bảo Lợi, có công việc và mức thu nhập ổn định, tại phiên tòa chị T1 cũng đã đưa ra được hướng cụ thể về cách dạy dỗ, chăm sóc con nếu được giao trực tiếp nuôi dưỡng. Căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, bảo đảm việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần giao cháu V cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù Tòa án đã giải thích việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là quyền lợi của con để nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, nhưng chị T1 chưa yêu cầu anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Xét việc nguyên đơn chưa yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp với hướng dẫn tại điểm a Mục 11 Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Trường hợp nếu sau này một trong các bên có tranh chấp về cấp dưỡng thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[6] Về tài sản chung: Chị T1 không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản chung. Trường hợp nếu sau này một trong các bên

đương sự có tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[7] Về nợ chung: Chị T1 xác định không có nợ chung, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300,000đ (ba trăm nghìn đồng), chị T1 phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền 300,000đ (ba trăm nghìn đồng) chị T1 đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0032204 ngày 04 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Anh D không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, 11 và 12 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị T1.

1.1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị T1 và anh D.

1.2. Về nuôi con chung: Giao con chung V, sinh ngày: 01/7/2006 cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T1 về việc chưa yêu cầu anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh D được quyền đến thăm, chăm sóc và giáo dục con, vì lợi ích của con, khi cần thiết cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên thực hiện dưới sự giám sát của Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.3. Về tài sản chung: Chị T1 không yêu cầu giải quyết nên không xem xét về tài sản chung.

1.4. Về nợ chung: Chị T1 xác định không có nợ chung nên không xem xét.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300,000đ (ba trăm nghìn đồng), chị T1 phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền 300,000đ (ba trăm nghìn đồng) chị T1 đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0032204 ngày 04 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Anh D không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- Đương sự;
- UBND xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu vp, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Xuân Chính

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Xuân Chính